TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự (tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thông;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2018/TLST-DS ngày 06/4/2018 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-DS ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Viết L, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H; địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn G, sinh năm 1979– Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Nguyên đơn ông L có mặt, đại diện bị đơn là ông Phạm Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2018, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Mai Viết L trình bày:***

Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên về việc tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm, ngày 20/10/2016 giữa ông Lvới Công ty H có ký kết hợp đồng tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm số 68/HĐ. Hợp đồng số 68/HĐ ngày 20/10/2016 hiện nay phía Công ty H giữ, phía ông L không giữ. Theo nội dung hợp đồng, phía ông L đứng ra trồng chuối, phía Công ty H chịu trách nhiệm tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm chuối trồng ra. Diện tích đất ông L trồng chuối và phía Công ty H chịu trách nhiệm tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm chuối là 01 ha đất thuộc gia đình ông L. Quá trình thực hiện hợp đồng nói trên, giữa ông L với Công ty H đều thực hiện đúng theo thỏa thuận cho đến giai đoạn thu hoạch và bán chuối cho phía Công ty H.

Ngày 13/10/2017, giữa ông L với Công ty H đã ký kết văn bản Thanh lý hợp đồng số 17/2017/TLHĐ, theo đó nội dung bao tiêu sản phẩm chuối thể hiện:

- Bao tiêu chuối: 4.387 kg x 5.000 đồng/kg = 21.935.000 đồng;

- Bao tiêu chuối: 56.423 kg x 4.000 đồng/kg = 225.692.000 đồng.

Tổng giá trị hợp đồng là: 247.627.000 đồng. Bên Công ty H đã thanh toán được 118.676.000 đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán là 128.951.000 đồng. Sau đó, Công ty H tiếp tục trừ chi phí tiền phân bón và tiền thuốc bảo vệ thực vật với số tiền là 11.432.000 đồng, số tiền thực tế còn nợ lại là 117.519.000 đồng.

Sau khi ký kết văn bản thanh lý hợp đồng thì phía Công ty H không thanh toán được số tiền còn nợ lại cho ông L nên Công ty H lập giấy hẹn thanh toán số tiền nợ nói trên vào ngày 21/10/2017 (do không để ý nên giấy hẹn thanh toán do Công ty H đánh máy ghi số 89/HĐKT ký ngày 02/12/2016). Đến hạn thanh toán, nhiều lần ông L yêu cầu Công ty H thanh toán tiền như đã hẹn thì phía Công ty H lánh mặt không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền.

Nay, ông L khởi kiện buộc Công ty H có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 117.519.000 đồng theo văn bản thanh lý hợp đồng ngày 13/10/2017 và giấy hẹn thanh toán lập ngày 13/10/2017.

Chứng cứ nguyên đơn ông L cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 05/4/2018, 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông L, 01 bản gốc bản cam kết lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết, 01 bản sao "Bảng số liệu chuối của ông Mai Viết L" (được đối chiếu bản gốc), 01 bản sao "Thanh lý hợp đồng" ngày 13/10/2017 (được đối chiếu bản gốc), 01 bản sao "Giấy hẹn thanh toán" ngày 13/10/2017 (được đối chiếu bản gốc), 01 đơn yêu cầu xác minh ngày 09/4/2018 của ông L, 01 bản tự khai ngày 24/4/2018 của ông L.

**** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu H trình bày:***

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để bị đơn Công ty H biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi

tham gia giải quyết vụ án nhưng Công ty H vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do.

**** Kết quả quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án:***

Công văn số 356/CV-ĐKKD ngày 12/6/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương và hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Công ty H thể hiện: Công ty H có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702411750, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25/8/2017; địa chỉ trụ sở chính: Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Phạm Văn G – Tổng giám đốc. Tính đến nay, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hay hồ sơ giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông L có mặt, đại diện bị đơn là Công ty H là ông Phạm Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đại diện bị đơn theo quy định. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng dân sự (tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm)". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị, khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Mai Viết L có mặt, đại diện bị đơn Công ty H là ông Phạm Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty H theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông L khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự (tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm) đối với Công ty H. Quá trình thu thập chứng cứ xác định được Công ty H có trụ sở chính tại địa chỉ ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương và Công ty H vẫn đang hoạt động tại địa chỉ này nên căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự (tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2018, ông L khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền mua chuối còn thiếu là 117.519.000 đồng theo hợp đồng tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm số 68/HĐ ngày 20/10/2016 và văn bản "Thanh lý hợp đồng số 17/2017/TLHĐ ngày 13/10/2017" giữa ông L với Công ty H. Ông L không cung cấp được hợp đồng số 68/HĐ ngày 20/10/2016 nhưng có cung cấp được văn bản "Thanh lý hợp đồng số 17/2017/TLHĐ ngày 13/10/2017" giữa ông L với Công ty H. Theo đó, ông L xác định hai bên đã thực hiện xong phần tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm chuối, chỉ còn lại nội dung là Công ty H chưa thanh toán hết số tiền mua sản phẩm chuối cho ông L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết công khai các tài liệu chứng cứ đã thu thập được nhưng phía Công ty H không hợp tác, không có ý kiến phản đối nên các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp pháp. Xem xét tài liệu chứng cứ ông L cung cấp, yêu cầu khởi kiện của ông L là phù hợp theo quy định tại Điều 422, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Ông L khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền mua chuối còn thiếu là 117.519.000 đồng. Chứng cứ ông L đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là văn bản "Thanh lý hợp đồng" số 17/2017/TLHĐ ngày 13/10/2017 giữa ông L với Công ty H, 01 "Giấy hẹn thanh toán" ngày 13/10/2017 của Công ty H và 01 "bản sao Bảng số liệu chuối của ông Mai Viết L". Quá trình giải quyết vụ án, phía Công ty H không có ý kiến phản đối nên các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được là hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc Công ty H phải thanh toán cho ông L số tiền 117.519.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí: Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ Điều 422, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Viết L đối với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (tư vấn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm)".

Buộc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H có trách nhiệm thanh toán cho ông Mai Viết L số tiền 117.519.000 đồng (một trăm mười bảy triệu năm trăm mười chín nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H phải chịu số tiền là 5.875.950 đồng (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng).

2.2. Hoàn trả cho ông Mai Viết L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.937.975 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0011601 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 24/8/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng